

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 10 - 2019

V/v ly hôn giữa chị N và anh M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; đăng ký HKTT: xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: xã HL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1976; nơi cư trú: xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn M ngày 10/01/2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện H. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng. Từ tháng 06/2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh M chơi bời cờ bạc đã vay nợ của nhiều người, nhiều lần đến nhà đòi nợ. Đến tháng 12/2018 do quá căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở xã HL sinh sống. Anh M mấy lần đến nhà

ngoại tìm chị về và còn gây sự làm mất trật tự thôn xóm nên chị không đồng ý quay về. Nay chị xác định không thể đoàn tụ vợ chồng được nữa nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 16/11/2002; Nguyễn Văn A, sinh ngày 06/9/2005 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/3/2019. Hiện tại cháu L và cháu A đang ở nhà với anh M và ông bà nội tại xã HT, còn cháu T đang ở với chị tại nhà ông bà ngoại ở xã HL. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh M nuôi hai con lớn, chị nhận nuôi con bé. Anh M phải đảm bảo mọi chi phí nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh M.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung và có cho em gái chồng là chị Nguyễn Thị Nh vay 08 triệu đồng, cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị H vay 45 triệu đồng. Vợ chồng không vay nợ của ai. Tại đơn khởi kiện chị có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung khi ly hôn nhưng nay chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu đòi nợ đối với bà H và chị Nh nữa. Chị để lại tài sản cho anh M và các con sử dụng, sau hai bên tự giải quyết với nhau.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh nhất trí với chị N về quá trình kết hôn, anh công nhận trước đây có chơi bời ảnh hưởng đến kinh tế nhưng anh tự giải quyết việc trả nợ chứ không để ảnh hưởng đến gia đình. Do chị N nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nên anh cũng có bức xúc xảy ra xô sát do anh nóng tính. Từ tháng 12/2018 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh đi tìm nhưng chị N không về. Anh muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy ba con vì anh không muốn các con bị ảnh hưởng tâm lý. Anh và chị N đều theo đạo Thiên Chúa, luật tôn giáo cũng không cho phép ly hôn. Nếu chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn thì tùy Tòa án phân xử.

Vợ chồng có ba con chung như chị N trình bày. Hiện tại hai con lớn đang ở với anh, con bé đang ở với chị N. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh nhận nuôi hai con lớn, để chị N nuôi con nhỏ. Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chỉ có một số đồ đạc sinh hoạt, nhà đất là của bố mẹ đẻ anh cho ở nhờ. Tiền cho em gái anh vay và đưa cho mẹ đẻ anh giữ hộ thì anh đã lấy để chữa bệnh. Nay chị N xin rút yêu cầu chia tài sản thì anh cũng nhất trí. Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nếu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đều chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn M. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị N trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn T, giao cho anh M trực

tiếp nuôi hai con Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn A; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị Nguyễn Thị N do rút yêu cầu. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn M đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/01/2002 tại UBND xã HT, huyện H. Trong quá trình chung sống chị N và anh M đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh M ham chơi làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Chị N xin ly hôn, anh M không nhất trí nhưng cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh M đã trầm trọng, sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, các bên đã được gia đình hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, nay chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn nên nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Văn M là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị N và anh M thống nhất vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 16/11/2002; Nguyễn Văn A, sinh ngày 06/9/2005 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/3/2019. Cháu L và cháu A đang ở với anh M và đều có nguyện vọng ở với bố. Tại phiên hòa giải ngày 16/9/2019 các đương sự đã thỏa thuận trong trường hợp ly hôn chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi cháu T; anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi hai con là cháu L, cháu A và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt, không vay nợ của ai. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, chị N đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản, anh M nhất trí. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị N theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M.

2. Về việc nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/3/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu Tiến đang ở với chị N).

Giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 16/11/2002 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 06/9/2005 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu L và cháu A đang ở với anh M).

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M không phải phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị N do rút yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000504 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị N được trả lại số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã HT: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên